TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Hậu và ông Trần Diệp Duy.

-***Thư ký phiên Toà*:** Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự.

1. ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 278/29 Ph, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh Lê Bá S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 106 Ng, tổ 2, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: 15/2 Ấp G, thị trấn T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Lê Bá S sau thời gian tìm hiểu nhau được 06 tháng đã tổ chức lễ hỏi, cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thành phố Kon Tum vào ngày 15/6/2000. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lê Bá S không tu chí làm ăn, vay mượn nợ nần bên ngoài. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và anh Sơn đã đánh chị Hiếu. Chị Trần Thị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn anh Lê Bá S.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2000 và Lê Ngọc B, sinh ngày 01/6/2004. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc B và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Lê Thị Diễm H đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2021, bị đơn anh Lê Bá S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lê Bá S và chị Trần Thị H kết hôn với nhau vào ngày 15/6/2000, có tổ chức lễ cưới hỏi và đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào năm 2018 là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Lê Bá S và chị Trần Thị H đã sống ly thân 03 năm, không còn quan tâm đến nhau. Chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn, anh S đồng ý ly hôn. Anh Lê Bá S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2000 và Lê Ngọc B, sinh ngày 01/6/2004. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Hiếu nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc B, chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh không có ý kiến gì. Đối với cháu Lê Thị Diễm H đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên anh S không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết ly hôn giữa chị với anh Lê Bá S có nơi cư trú tại số 106 Ng, tổ 2, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Anh Lê Bá S có đơn xin xét xử vắng mặt do anh S có công việc ở tỉnh Tiền Giang, nên không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Bá S.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Bá S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum vào ngày 15/6/2000.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào năm 2018 do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Trần Thị H và anh Lê Bá S đã sống ly thân 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn anh Lê Bá S, anh Lê Bá S xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H. Để tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Bá S.

- Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị H và anh Lê Bá S có 02 con chung là Lê Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2000 và Lê Ngọc B, sinh ngày 01/6/2004. Khi ly hôn, chị Trần Thị H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, anh Lê Bá S đồng ý để chị Hiếu nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Trần Thị H là hoàn toàn hợp pháp vì hiện tại cháu Lê Ngọc B đang do chị Hiếu nuôi dưỡng, cháu Lê Ngọc B có ý kiến muốn ở với chị H. Anh Lê Bá S đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần giao cháu Lê Ngọc B cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với cháu Lê Thị Diễm H, sinh ngày 01/10/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị Trần Thị H và anh Lê Bá S không có tài sản chung, nên không đề cập.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H đề ngày 10 tháng 11 năm 2021.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Bá S.

Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc B, sinh ngày 01/6/2004 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Ngọc B đủ 18 tuổi. Anh Lê Bá S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Lê Bá S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000448 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 12 tháng 01 năm 2022)* nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Kon Tum;*
- *VKSND TP Kon Tum;*
- *Chi cục THADS TP Kon Tum;*
- *UBND phường Duy Tân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hường